

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS - PT
Ngày 19 - 02 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt)

Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm H: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền đề ngày 08 tháng 12 năm 2017 - có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Hải P, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. NLQ2

Địa chỉ trụ sở: Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhan Anh D – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nhan Anh D: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1971 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 05/GUQ ngày 02 tháng 04 năm 2018 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. NLQ3.

Địa chỉ trụ sở: Ấp XC, thị trấn CH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Từ Minh P: Ông Nguyễn Hùng D – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 11/GUQ ngày 10 tháng 7 năm 2018 - có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lâm Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm H trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế là 24,1m² là của vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D vào ngày 29 tháng 12 năm 1993, chiều ngang cấp lộ 15m, chiều dài từ lộ đến sông CS – NQ 09m và căn nhà tạm trên đất với giá 1.500.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất, hai bên có viết “*Giấy san nhà*” đề ngày 27 tháng 12 năm 1994, có Trưởng Công an ấp CS (nay là ấp TL, xã LT) ông Nguyễn Văn D ký xác nhận ngày 29 tháng 12 năm 1993 (ông Đ xác nhận thời gian chuyển nhượng là ngày 27 tháng 12 năm 1993, giấy san nhà đề ngày 27 tháng 12 năm 1994 là ghi sai năm).

Ngày 22 tháng 8 năm 2012, vợ chồng ông chuyển nhượng đất cho bà Phan Thanh H, chiều ngang 12m với giá 102.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng có lập tờ sang nhượng đất có hai bên ký tên và Trưởng ấp TL là ông Huỳnh Thanh V ký xác nhận, đồng thời có đo đạc thực tế và cắm cột làm ranh. Ngày 20 tháng 9 năm 2012, vợ chồng ông tiếp tục chuyển nhượng cho bà H thêm chiều ngang 1,5m, với giá 12.750.000 đồng, chỉ viết giấy tay. Tại thời điểm chuyển nhượng đất cho bà H, ông làm thất lạc giấy đã sang nhượng đất giữa ông với ông D nên vợ chồng ông chỉ chuyển nhượng cho bà H phần đất thực tế đang sử dụng. Nay vợ chồng ông yêu cầu ông Lý Hải P, NLQ1 trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là 24,1m², đất tọa lạc tại ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Trước đây, Tòa án đã thụ lý vụ án số 53/2015/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2015 giữa bà H kiện ông P, vợ chồng ông đã có đơn yêu cầu độc lập ngày 16 tháng 9 năm 2015 đòi ông P trả lại phần đất tranh chấp nêu trên. Tuy nhiên, ngày 08

tháng 3 năm 2018 Tòa án đã ban hành Quyết định tách vụ án số 01/2018/QĐST-DS tách yêu cầu độc lập của vợ chồng ông đối với ông P thành vụ án này.

Bị đơn ông Lý Hải P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất ông đang sử dụng (bao gồm phần đất đang tranh chấp với ông Đ) là do ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn M vào năm 1982, chiều ngang 09 mét, chiều dài từ lộ đến mé sông, với giá 20.000 đồng/mét ngang. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông và ông M có làm giấy tay nhưng thời gian đã lâu nên giấy tay này đã bị thất lạc. Năm 2012, vợ chồng ông Đ, bà H đã chuyển nhượng hết phần đất cho bà Phan Thanh H, trước khi bà H nhận chuyển nhượng đất của ông Đ thì gia đình ông đã dùng trụ xi măng cắm ranh với phần đất của ông Đ, nên ông không có lần chiếm đất của ông Đ như ông Đ trình bày. Nay vợ chồng ông không đồng ý trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 24,1m² cho vợ chồng ông Đ, bà H.

Phần đất tranh chấp giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông Đ, bà H và cả phần đất ông đang sử dụng đều do vợ chồng ông bồi đắp nhiều lần, cụ thể là thuê người múc đất bằng tay lấy đất dưới sông lên và cũng có thuê máy cày kéo đất chỗ khác đến lấp. Nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà H là buộc vợ chồng ông trả lại đất tranh chấp thì ông cũng không yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H trả lại giá trị công bồi đắp đất.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông P với ông Đ là đất bảo lưu ven sông, do Ủy ban nhân dân xã LT quản lý, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hay cá nhân nào. Mặc dù, trên bản đồ địa chính thì Ủy ban nhân dân xã quản lý nhưng thực tế đây là đất của các hộ dân đã sử dụng ổn định nhiều năm. Vì vậy, khi có quy hoạch thì các hộ dân này vẫn được bồi thường theo pháp luật. Nay ông Đ, bà H yêu cầu ông P trả lại phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 24,1m² thì Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến gì đối với phần đất nêu trên. Sau khi Tòa án xét xử xong, nếu đương sự đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân xã sẽ lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân huyện VL xem xét để cấp quyền sử dụng đất.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 trình bày: Phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào, thuộc đất bảo lưu ven sông. Phần đất tranh chấp được ông P kê khai trong sổ mục kê năm 1997 tại thửa số 10, tờ bản đồ số 10 diện tích 69m² và tên Nguyễn Cẩm H tại thửa số 09, tờ bản đồ số 10, diện tích 116,4 m². Phần đất tranh chấp giữa ông Đ, bà H và ông P theo cơ quan chuyên môn Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định: Do diện tích tranh chấp quá nhỏ nên không thể xác định chính xác thuộc thửa đất số 09 hay 10. Phần đất tranh chấp này thuộc Tuyến kênh CS – NQ – ND. Sau khi Tòa án nhân dân huyện VL tuyên xử thì đương sự liên hệ Ủy ban nhân dân huyện VL để xem xét có được cấp giấy hay không.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 16/2018/QĐ-

SCBSBA ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H đòi ông Lý Hải P trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 24,1m², đất tọa lạc ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh phần đất).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn ông Lâm Văn Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu với nội dung: Yêu cầu ông Lý Hải P trả lại phần đất tranh chấp diện tích 24,1m² cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn Đ, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Lâm Văn Đ xác định là của ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn D vào năm 1994, đất có chiều dài giáp lộ 15m, chiều ngang từ mé lộ xuống mé sông 09m. Khi sang nhượng ông và ông D có làm “Giấy san nhà” ngày 27 tháng 12 năm 1994 và có những người kế cận ký tên làm chứng như ông Liêu Tấn H, ông Trương Văn C, bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn L, ông Nguyễn Văn D. Do lúc đầu ông tưởng ông Lý Hải P là người cấp ranh đất của ông nên ông cho ông P ký nhưng sau đó ông mới biết đất của ông cấp ranh ông L nên ông cho ông L ký ngang hàng ký tên của ông P. Phía ông Lý Hải P xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nhận chuyển nhượng từ ông Võ Văn M từ năm 1981, chiều ngang 09m, chiều dài từ lộ đến mé sông. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay nhưng hiện giấy không còn.

[3] Tại “Giấy san nhà” ngày 27 tháng 12 năm 1994 (bút lục 168) không thể hiện rõ phần đất ông D chuyển nhượng cho ông Đ giáp với ai, diện tích và tứ cạnh cụ thể như thế nào. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 9 năm 2016, ngày 16 tháng 11 năm 2017 (bút lục 67, 69, 70, 72) bà Nguyễn Thị T, ông Trương Văn C, ông Liêu Tấn H, ông Nguyễn Văn D cùng xác định: Các ông bà có ký vào giấy sang đất giữa ông D và ông Đ ngày 27 tháng 12 năm 1994, tuy nhiên khi ký các ông bà không đọc nội dung, không thấy ông D và ông Đ đo đạc thực tế. Ngoài ra, các ông bà cũng không biết việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông Đ và bà

Phan Thanh H. Xét thấy, những người làm chứng trên không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận chuyển nhượng đất cũng như không chứng kiến việc đo đạc đất giữa ông D và ông Đ nên không chứng minh được diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông D. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Đ.

[4] Ông Đ xác định ông P lấn chiếm đất của ông vì ông cho rằng ông P nhận chuyển nhượng đất của ông M chiều ngang chỉ có 04m nhưng nay là 09m, tuy nhiên ông Đ không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông P với ông M mà ông chỉ nghe ông L là con ông M kể lại việc này (bút lục 259, hiện ông L và ông M đều đã chết). Do đó, lời trình bày của ông Đ là không có căn cứ. Ngoài ra, ông Đ còn xác định việc tranh chấp giữa ông với ông P được Ủy ban nhân dân xã LT giải quyết với kết quả là buộc ông P trả lại cho ông đất tranh chấp. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 21 tháng 12 năm 2012 (bút lục 254, 255, 256, 257) và biên bản xác minh ngày 22 tháng 10 năm 2018 (bút lục 252) thể hiện kết quả hòa giải không thành, không có việc Ủy ban nhân dân xã LT buộc ông P trả đất cho ông Đ.

[5] Ông P xác định ranh đất giữa ông và ông Đ là hàng rào dâm bụt, 01 cây gòn và 01 cây me. Khi ông Đ chuyển nhượng đất cho bà Phan Thanh H thì bà H chặt hết các loại cây này. Lời trình bày của ông P là phù hợp với lời trình bày của ông Đ là khi ông Đ chuyển nhượng đất cho bà H thì ông Đ đo từ đất của bà Thuận qua đến hàng rào dâm bụt, hàng rào dâm bụt này là ranh đất giữa ông D và ông P (bút lục 261). Tại “*Tờ san nhượng đất*” ngày 22 tháng 8 năm 2012 (bút lục 07) thể hiện: “*Vợ chồng tôi có san nhượng phần đất phía dưới sông mặt nhà cho bà Phan Thanh H cư ngụ cùng ấp TL, mặt tiền lộ CS: 12m, từ lộ giới bồi hoàn xuống tới mé sông...*” Tại “*Tờ san nhượng đất*” ngày 20 tháng 9 năm 2012 thể hiện: “*Nguồn gốc đất tôi sang nhượng của ông Nguyễn Văn D 13m,50. Nay tôi sang nhượng lại cho cô Phan Thanh H cùng cư ngụ tại địa chỉ trên thêm 1m50 là hết khoảng đất chừa lại làm đường đi*”. Như vậy ông Đ chuyển nhượng đất cho bà Hận là hết diện tích đất ông Đ nhận chuyển nhượng của ông D, ông Đ không còn phần đất nào khác nên việc ông Đ cho rằng khi ông chuyển nhượng đất cho bà Hận lần thứ hai có chừa từ hàng rào dâm bụt ra 1,5m là không có căn cứ. Mặt khác, ông Đ không sử dụng phần đất này mà ông P là người sử dụng ổn định từ năm 1982 đến nay. Như vậy, ông Đ không chứng minh được nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất tranh chấp.

[6] Tại Công văn số 510/UBND-NC ngày 09 tháng 5 năm 2016 của NLQ3 và Công văn số 945/UBND-NC ngày 18 tháng 7 năm 2018 (bút lục 224) thể hiện: Phần đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đất bảo lưu ven sông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Phần đất tranh chấp đã được kê khai trong Sổ mục kê năm 1997 tên Lý Hải P tại thửa số 10, tờ bản đồ 10, diện tích 69m² và tên Nguyễn Cẩm H tại thửa số 09, tờ bản đồ 10, diện tích 116,4m². Bản đồ địa chính có tỷ lệ 1:5000 kích thước đất tranh chấp quá nhỏ nên không xác định được nằm trong thửa nào.

[7] Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 11 năm 2017 (bút lục 59) đại diện NLQ3 xác định: Bà Nguyễn Cẩm H (vợ ông Đ) kê khai đất theo Sổ mục kê năm 1997 tại thửa 09 diện tích là 116,4m², ông Lý Hải P kê khai tại thửa 10 diện tích là 69m². Tuy nhiên, tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2010 của Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc NLQ3 cung cấp diện tích đất bà H khi đo đạc có chiều ngang giáp lộ CS - NQ là 13,54m, chiều ngang giáp kênh CS - NQ là 13,39m, diện tích 160,3m² (bút lục 65); Phần đất của ông P khi đo đạc có chiều ngang giáp lộ CS - NQ là 8,6m, chiều ngang giáp kênh CS – NQ là 10,9m, diện tích 108,9m² (bút lục 64). Như vậy, khi đo đạc năm 2010 thì diện tích thực tế của ông Đ và ông P sử dụng đều lớn hơn diện tích đăng ký kê khai tại Sổ mục kê năm 1997.

[8] Mặt khác, cũng tại Công văn số 510/UBND-NC ngày 09 tháng 5 năm 2016 thể hiện: *“Khi thu hồi đất và bồi thường cho ông P thuộc dự án nâng cấp mở rộng lộ CS – NQ thì Ủy ban nhân dân huyện có lập phương án bồi thường hỗ trợ trong phương án có thể hiện nguồn gốc đất là: đất nguyên trước đây thuộc quyền sử dụng của ông TM tự khai phá và sử dụng trước năm 1975 và sử dụng làm đất ở. Đến năm 1982 ông M bán lại cho ông P sử dụng làm đất ở. Ông P sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Tại thời điểm lập phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Ban bồi thường có niêm yết công khai, phía bà Phan Thanh H, bà Võ Thị B, bà Lâm Thị Cúc H ông Lâm Văn Đ không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc Nhà nước bồi thường hỗ trợ đối với ông P”*. Nội dung của Công văn trên là phù hợp với lời khai của ông Đ tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 12 năm 2017 (bút lục 22) và tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 239) ông Đ xác định: Ông đồng ý với kết quả đo đạc của Ban giải phóng mặt bằng, mặc dù không đủ diện tích chiều ngang 15m mà ông cho rằng nhận chuyển nhượng của ông D nhưng ông Đ lại không khiếu nại gì về diện tích đất cũng như tiền bồi thường. Do đó, việc ông Đ xác định đất tranh chấp của ông là không có cơ sở.

[9] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 165; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 203 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 49/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H đòi ông Lý Hải P trả lại phần đất diện tích 24,1m² tọa lạc ấp TL, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất có tranh chấp giữa ông Lý Hải P với bà Lâm Thị Cúc H có số đo 16,08m.

- Hướng Tây giáp với phần đất giữa bà Phan Thanh H đang tranh chấp với ông Lý Hải P có số đo 16,12m.

- Hướng Nam giáp với đường lộ nhựa TL có số đo 1,5m.

- Hướng Bắc giáp sông ND – CS có số đo 1,5m.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H phải chịu, ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H phải chịu 300.000 đồng. Ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H đã nộp 220.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 006513 ngày 16 tháng 9 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Ông Lâm Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền 80.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng, ông Lâm Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013257 ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang